TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2023/HS-ST
Ngày: 29-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Hà Nam

Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Phạm Quốc Khánh

Ông Trịnh Bá Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Thiều Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 122/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đoàn Thị Mai H, sinh năm1985; tên gọi khác: Không; ĐKTT và nơi cư trú: Xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đoàn Quang T, sinh năm 1950 và bà Phạm Thị M, sinh năm 1950; gia đình có 3 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; chồng: Vũ Văn C, sinh năm 1984; có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/9/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N.

Người bào chữa cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 76 BLTTHS: Luật sư Nguyễn Thị Thanh T1 - Văn phòng L1 - Đoàn Luật sư tỉnh N.

* Bị hại:

1. Chị Bùi Thị N, sinh năm 1979

Trú tại: Xóm Ch, xã Hải P, huyện H, tỉnh Nam Định

2. Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1980

3. Chị Trần Thị T2, sinh năm 1985

Đều trú tại: Xóm Ch, xã Hải P, huyện H, tỉnh Nam Định

4. Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1980

5. Anh Vũ Văn H1, sinh năm 1980

Đều trú tại: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị T3: Luật sư Nguyễn Thị S - Công ty L2 - Đoàn luật sư thành phố H.

* Người làm chứng:

1. Chị Hoàng Thị Ánh T4

2. Chị Lê Thị H2

3. Anh Phạm Trung H3

4. Anh Nguyễn Trọng V

5. Anh Vũ Văn H4

6. Chị Cao Thị H5

7. Chị Vũ Thị H6

8. Chị Trần Thị T5

9. Anh Vũ Văn C

Tại phiên tòa: Có mặt bị cáo, các bị hại gồm chị N, chị T2, chị T4, các luật sư; Vắng mặt anh Đ, anh H1 và những người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu năm 2018 Đoàn Thị Mai H vay tiền của sư thầy chủ trì chùa Đ1, chị Phạm Thị N1, sinh năm 1963; chị Lưu Thị T6, sinh năm 1949 và bà Bùi Thị H7, sinh năm 1959 đều trú tại: xã H, huyện H, tỉnh Nam Định với tổng số tiền khoảng 02 tỷ đồng để đầu tư kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách của gia đình và buôn bán hàng dược liệu dùng cho sản xuất thuốc tân dược, thực phẩm chức năng nhưng bị thua lỗ nên đến năm 2021, H tiếp tục hỏi vay tiền của anh Nguyễn Trọng V, sinh năm: 1979, trú tại: TDP số A, thị trấn Y, huyện H; chị Hoàng Thị Ánh T4, sinh năm: 1968, trú tại: xóm N, xã H, huyện H và anh Phạm Trung H3, sinh năm: 1991, trú tại: A V, P. H, TP N để đầu tư kinh doanh hàng dược liệu, que test Covid - 19 nhưng vẫn bị thua lỗ. Lúc này số nợ của H lên đến khoảng

04 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng, dẫn đến Hiên không có khả năng để trả nợ nên đã nảy sinh ý định tiếp tục đi vay tiền của người khác để trả nợ gốc, lãi cho các chủ nợ cũ theo hình thức xoay vòng. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Do ở cùng xóm, quen biết nhau từ trước với chị Bùi Thị N, sinh năm 1979, trú tại: xã H, huyện H, tỉnh Nam Định nên từ khoảng tháng 5/2021 H lấy lý do trong tài khoản có tiền nhưng cần tiền mặt để đóng hội nên vay của chị N từ hai đến ba triệu đồng, mỗi lần như thế H đều trả lại tiền cho chị N chỉ trong một vài ngày sau khi vay tiền. Để tạo niềm tin cho chị N, H thực hiện việc vay tiền dần dần, mỗi lần số tiền vay sẽ tăng lên và trả đúng hẹn, trong thời gian ngắn. Hiên tiếp tục vay từ 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng, rồi đến 300 triệu đồng với lý do làm ăn, buôn bán, đều trả đúng hẹn, giữa hai bên không có giấy biên nhận gì. Sau khi tạo được niềm tin ở chị N, đến ngày 17/4/2022 H đặt vấn đề vay của chị N số tiền 400 triệu đồng với lý do mới đấu được lô vắc xin Covid - 19, cần tiền để nộp nếu không sẽ mất cơ hội làm ăn, mất khoản tiền lãi. Do tin tưởng nên ngày 18/4/2022, chị N đã sử dụng số tài khoản 0971603981 của mình chuyển số tiền 220 triệu đồng vào tài khoản ngân hàng số 48610000006939 của H và đưa 180 triệu đồng bằng tiền mặt để cho H vay. Sau khi nhận được tiền, H nộp 180 triệu đồng tiền mặt vào tài khoản của mình rồi chuyển cả 400 triệu đồng vừa vay được của chị N để trả nợ cho chị Hoàng Thị Ánh T4. Cũng trong chiều ngày 18/4/2022, do cần thêm tiền để trả nợ cho chị Hoàng Thị Ánh T4 và chủ nợ khác, H tiếp tục nói dối nhờ chị N vay thêm 700 triệu đồng để lấy lô hàng vắc xin C1 -19 tiếp theo. Ban đầu, do thấy số tiền lớn nên chị N từ chối nhưng H liên tục nài nỉ và đưa ra các lý do để thuyết phục chị N vay tiền giúp. Thấy vậy, chị N tin tưởng và vay của chị Lê Thị H2, sinh năm: 1976, trú tại: xóm C, xã H, huyện H số tiền 700 triệu đồng để chuyển vào tài khoản cho H vay. Sau khi nhận được tiền, H chuyển khoản để trả nợ cho chị Hoàng Thị Ánh T4 600 triệu đồng; trả nợ anh Nguyễn Trọng V 50 triệu đồng. Khoảng hai đến ba ngày sau, H vay tiền của chị Hoàng Thị Ánh T4 để trả cho chị N một phần tiền gốc cùng tiền lãi và tiền cảm ơn chị N với mục đích để chị N tin tưởng tiếp tục cho vay tiền. Với phương thức, thủ đoạn như nêu trên, trong thời gian từ cuối tháng 4/2022 đến ngày 05/8/2022, H đưa ra nhiều lý do gian dối khác nhau để vay tiền chị N rồi mang trả nợ cho chủ nợ cũ. Sau mỗi lần vay tiền của chị N, H vay lại tiền của chủ nợ cũ để trả một phần tiền gốc và tiền lãi cùng tiền cảm ơn chị N. Do tin tưởng nên mỗi khi H đặt vấn đề vay tiền, chị N đều tìm cách vay tiền của người khác để chuyển cho Hiên vay, thậm chí chị N còn đi vay vàng của người khác để bán đi lấy tiền đưa cho H vay. Cứ như thế số tiền Hiên nợ lại chị N ngày một nhiều do lần vay tiền sau nhiều hơn lần vay tiền trước. Sau ngày 05/8/2022, H tiếp tục đưa ra các thông tin gian dối nhờ chị N vay tiền giúp nhưng do số nợ cũ còn nhiều, chị N không vay được tiền của ai để cho H vay nữa và yêu cầu H trả nợ. Đến ngày 17/8/2022, chị N và H gặp nhau

để tính toán công nợ và cùng xác nhận H còn nợ chị N số tiền 3.290.825.000đ (ba tỷ hai trăm chín mươi triệu tám trăm hai mươi năm nghìn đồng), trong đó gồm 3.095.000.000đ (ba tỷ không trăm chín mươi năm triệu đồng) vay bằng tiền mặt và 195.825.000đ (một trăm chín mươi lăm triệu tám trăm hai mươi năm nghìn đồng) khi vay 37 chỉ vàng 9999 bán đi đổi lấy tiền mặt. Hiên đã tự viết vào quyển sổ của chị N một "Giấy biên nhận" đề ngày 17/8/2022 với nội dung xác nhận nợ chị N số tiền, vàng như trên, hẹn trong vòng hai tháng sẽ trả rồi giao lại cho chị N giữ. Từ đó đến nay do nợ nần nhiều người, không có tiền nên H vẫn chưa trả nợ cho chị N như đã cam kết, chỉ có một lần vào ngày 17/11/2022 Hiên chuyển cho chị N số tiền bốn triệu đồng để chị N đi khám bệnh. Hiện nay, H còn chiếm đoạt của chị N số tiền là 3.286.825.000đ (ba tỷ hai trăm tám mươi sáu triệu tám trăm hai mươi năm nghìn đồng).

***Vụ thứ hai:** Hiên và chị Trần Thị T2, sinh năm 1985, trú tại: xã H, huyện H, tỉnh Nam Định chơi với nhau từ bé nên giữa H và vợ chồng chị T2, anh Vũ Văn Đ (chồng chị T2), sinh năm 1980 có quan hệ rất thân thiết. Năm 2019, H vay tiền của chị T2 nhiều lần với tổng số tiền 100 triệu đồng. Sau khi H làm ăn thua lỗ không có khả năng chi trả, chị T2 đã đồng ý cho H nợ số tiền trên đến khi nào có thì trả. Đến cuối tháng 5/2022, H nảy sinh ý định gian dối, chiếm đoạt tiền của vợ chồng chị T2, anh Đ nhằm mục đích xoay vòng tiền để trả nợ gốc, lãi, gửi tiền cảm ơn cho các chủ nợ cũ và cho cả chị N. Ngày 25/5/2022, H sử dụng tài khoản Zalo được đăng ký bằng số điện thoại 0378129926 của mình nhắn tin vào tài khoản Zalo của chị T2 nói dối rằng công ty TNHH N2 nơi H đang làm việc mở bán cổ phần ưu tiên cho cán bộ công nhân viên lâu năm và H được ưu tiên mua cổ phần với giá trị một tỷ đồng. H nói với chị T2: đây là cơ hội để Hiên trả ơn vợ chồng chị T2 vì trước đây đã giúp đỡ H nhiều lần và một năm công ty chỉ có hai tháng thanh khoản cổ phần là tháng 5 và tháng 6, vợ chồng T2 tranh thủ góp tiền mà tham gia, cuối tháng là công ty sẽ thanh khoản luôn, nếu vợ chồng chị T2 không đủ số tiền một tỷ đồng thì có thể tham gia một nửa. Để chị T2 tin tưởng, H còn gửi cho chị T2 một tin nhắn thông báo biến động số dư tài khoản ngân hàng của H thể hiện việc H chuyển số tiền 450 triệu đồng vào một tài khoản ngân hàng với nội dung "Hiên nộp mua cổ phần 2 tỷ 500 triệu" (đây là tin nhắn của ngân hàng gửi cho H về biến động số dư, H đã chỉnh sửa lại nội dung để gửi cho chị T2). Do tin tưởng, chị T2 đã nói chuyện lại cho anh Đ biết và vợ chồng anh Đ quyết định vay tiền của người khác góp tiền mua cổ phần với H để được hưởng tiền lợi tức. Chiều tối cùng ngày, anh Đ sử dụng số tài khoản 48010000205318 của mình chuyển số tiền 500 triệu đồng vào số tài khoản 48610000006939 của Hiên để góp tiền mua cổ phần. Sau khi nhận được số tiền này, H chuyển luôn toàn bộ số tiền cho chị Hoàng Thị Ánh T4 để trả nợ. Ngày hôm sau, H lấy lý do còn thiếu 300 triệu đồng để mua cổ phần và đặt vấn đề nhờ vợ chồng chị T2, anh Đ vay giúp số tiền trên. Do tin tưởng, ngày 27/5/2022, anh

Đ đi vay giúp H số tiền 300 triệu đồng để chuyển vào tài khoản của H. H đã sử dụng số tiền này để chuyển trả nợ cho chị Hoàng Thị Ánh T4 250 triệu đồng và chuyển cho chị Bùi Thị N 40 triệu đồng. Ngày 31/5/2022, H vay tiền của chủ nợ cũ là anh Phạm Trung H3 và chị Hoàng Thị Ánh T4 để chuyển vào tài khoản Ngân hàng của anh Đ tổng số tiền 820 triệu đồng. Trong đó bao gồm: 500 triệu đồng tiền gốc mà vợ chồng anh Đ góp mua cổ phần; 300 triệu đồng Hiên vay của anh Đại để mua cổ phần như kể trên; 20 triệu đồng là tiền lãi và tiền cảm ơn vợ chồng anh Đ đã đi vay giúp cho số tiền 300 triệu đồng. Ngày 01/6/2022, H nói dối với anh Đ rằng công ty của H đã chuyển tiền lãi cổ phần và chia lợi nhuận cho vợ chồng anh Đ được hưởng số tiền 236 triệu đồng đối với khoản tiền 500 triệu đồng mà vợ chồng anh Đ đã góp. Đồng thời, H lấy lý do cần tiền để nhập lô hàng vắc xin Covid - 19 và đặt vấn đề nhờ anh Đ vay giúp số tiền 02 tỷ đồng. Do số tiền vay lớn, anh Đ nói nếu đi vay hộ cho H và H sẽ phải có trách nhiệm trả tiền lãi cho người mà anh Đ vay (2.500đồng/1 triệu/1 ngày), H đồng ý. Sau đó, anh Đ đã vay được của chị Cao Thị H5, sinh năm: 1976, trú tại: thị trấn C, huyện H số tiền 1.750.000.000đ (một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng) và chuyển toàn bộ số tiền trên vào tài khoản Ngân hàng cho H. Sau khi nhận được tiền, H sử dụng 236 triệu đồng từ khoản tiền trên để chuyển vào tài khoản của anh Đ với nội dung "em H8 gui t lai co phan" nhằm mục đích tạo sự tin tưởng với anh Đại đ tiếp tục vay tiền những lần sau. Số tiền còn lại H chuyển cho chị Hoàng Thị Ánh T4, anh Phạm Trung H3, anh Nguyễn Trọng V, anh Vũ Văn H4, chị Bùi Thị N để trả nợ. Ngày 03/6/2022, H tiếp tục lấy lý do cần tiền để mua tiếp lô hàng vắc xin C1 - 19 và nhờ anh Đ vay hộ số tiền 01 tỷ đồng. Do tin tưởng nên anh Đại đồng ý và tiếp tục vay của chị Cao Thị H5 để chuyển vào tài khoản Ngân hàng cho H số tiền trên. Sau khi nhận được tiền, H tiếp tục sử dụng để trả nợ cho anh Nguyễn Trọng V, chị Hoàng Thị Ánh T4, chị Bùi Thị N. Ngày 04/6/2022, H vay tiền của chị Hoàng Thị Ánh T4 để trả cho anh Đại số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng) với mục đích để anh Đ tin tưởng và tiếp tục cho H vay tiền lần sau. Với phương thức, thủ đoạn như trên, H nhiều lần vay tiền của anh Đ, lần vay tiền sau nhiều hơn lần vay tiền trước, tính từ ngày 01/6/2022 đến ngày 10/7/2022, H đã vay của anh Đ tổng số tiền khoảng 19 tỷ đồng và cũng chuyển trả lại cho anh Đ nhiều lần, tương đương số tiền khoảng 16 tỷ đồng. Đến ngày 12/7/2022, H tiếp tục lấy lý do cần tiền để đáo hạn ngân hàng và nhờ anh Đ vay giúp số tiền 800 triệu đồng với lý do để đáo hạn ngân hàng, tuy nhiên anh Đại từ c không cho H vay nữa do số nợ cũ còn nhiều mà H vẫn chưa trả.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ ngày 10/6/2022 đến ngày 26/7/2022, H nói dối chị T2 là cần tiền để nhập lô hàng que test Covid - 19 hoặc lô hàng que test Covid - 19 của H bị lực lượng Công an bắt, cần tiền để lo lấy hàng ra để vay tiền của chị T2 với tổng số tiền khoảng 900 triệu đồng. Nhưng sau mỗi lần vay,

H đều trả lại tiền cho chị T2 theo đúng hẹn và gửi tiền cảm ơn. Đến ngày 28/7/2022, với lý do để đáo hạn ngân hàng, H đã nói dối để vay của chị T2 số tiền 800 triệu đồng, hẹn ba ngày sau trả. Do không đủ số tiền trên, chị T2 chỉ cho H vay số tiền 220 triệu đồng và 25 chỉ vàng 9999. Chị T2 và H thống nhất bán 25 chỉ vàng đi lấy tiền mặt và coi đó là tiền chị T2 cho H vay, sau này khi trả cũng sẽ trả bằng tiền mặt để tránh việc giá vàng lên xuống. Sau đó H mang bán 25 chỉ vàng được số tiền 137 triệu đồng rồi sử dụng toàn bộ số tiền này cùng 220 triệu đồng kể trên để trả nợ. Đến hẹn vẫn không thấy H trả tiền, chị T2 nhiều lần tìm gặp H để đòi nợ thì H lấy lý do khất nợ. Ngày 31/8/2022, H gặp chị T2 và viết một giấy mượn tiền để xác nhận nợ chị T2 số tiền, vàng như trên. Cũng trong thời gian cuối tháng 8/2022, anh Đ mới nói cho chị T2 biết việc cho H vay tiền như nêu trên. Sau đó vợ chồng anh Đ đã tự đến Công ty TNHH N2 tìm hiểu thì được biết không có việc công ty bán cổ phần cho công nhân viên như H nói. Nghi ngờ H gian dối chiếm đoạt tiền nên vợ chồng anh Đ tìm gặp H nhiều lần để đòi nợ thì đến ngày 20/9/2022 mới gặp được H. Sau khi hai bên đối chiếu công nợ với nhau thì H xác nhận còn nợ vợ chồng anh Đ tổng số tiền 3.107.000.000đ (ba tỷ một trăm linh bảy triệu đồng), bao gồm 2.970.000.000đ (hai tỷ chín trăm bảy mươi triệu đồng) vay bằng tiền mặt và 137 triệu đồng tương đương với 25 chỉ vàng 9999. Sau đó, H viết một "Biên bản thỏa thuận" đề ngày 20/9/2022 với nội dung Hiên nhận nợ vợ chồng anh Đại số tiền và vàng trên, hẹn đến hết tháng 10/2022 sẽ trả rồi giao lại cho vợ chồng anh Đại giữ. Từ đó đến nay H có 04 lần trả nợ cho vợ chồng anh Đ vào thời gian khoảng cuối năm 2022 với tổng số tiền là 170 triệu đồng. Hiện nay, H còn chiếm đoạt của vợ chồng anh Đại số tiền là 2.937.000.000đ (hai tỷ chín trăm ba mươi bảy triệu đồng).

***Vụ thứ ba:** Lợi dụng việc có quan hệ quen biết với chị Nguyễn Thị T3, sinh năm: 1980, trú tại: xã H, huyện H, tỉnh Nam Định do trước đây cùng làm với nhau tại Công ty TNHH N2 nên H gian dối vay tiền chị T3 sau đó chiếm đoạt để trả nợ cho các chủ nợ cũ và trả cho cả chị Bùi Thị N, vợ chồng anh Vũ Văn Đ, cụ thể như sau:

Ngày 28/7/2022, H nói dối chị T3 là cần vay số tiền 200 triệu đồng để đầu tư buôn bán bất động sản, thời hạn vay là 5 ngày. Do tin tưởng nên chị T3 đồng ý và cho H vay. Sau khi nhận được tiền, H đã nộp 180 triệu đồng tiền mặt vào tài khoản Ngân hàng của mình rồi chuyển khoản trả nợ cho chị Trần Thị T2 số tiền 110 triệu đồng; chuyển cho chị Vũ Thị H6, là chủ số tài khoản: "0936387303" số tiền 50 triệu đồng; chuyển cho chị Trần Thị T5, là chủ số tài khoản: "13088013868888" số tiền 10 triệu đồng. Số tiền còn lại, H sử dụng để trả nợ lặt vặt cho một số người khác và chi tiêu cá nhân. Ngày 13/8/2022, mặc dù chưa trả được số nợ cũ nhưng H tiếp tục nói dối cần tiền để nộp tiền thuế

đất và nhờ chị T3 vay tiền giúp. Do tin tưởng, chị T3 đồng ý và vay tiền của người khác để chuyển cho H vay làm ba lần với tổng số tiền là 22 triệu đồng. Đến khoảng đầu tháng 10/2022, H tiếp tục gọi điện, nhắn tin cho chị T3 nhiều lần để đặt vấn đề vay tiền với lý do hiện nay vợ chồng H đang trục trặc muốn bán nhà để lấy tiền trả nợ cho chị T3. Hiên còn nói dối là đã có khách đặt cọc tiền để mua nhà của vợ chồng H, chỉ cần có tiền lấy được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp ở Ngân hàng ra là khách sẽ chuyển tiền luôn, khi đó H sẽ có tiền trả nợ cho chị T3. Do mong muốn lấy lại được tiền nên chị T3 đồng ý và tiếp tục cho H vay số tiền 100 triệu đồng. Ngày 10/10/2022, H tiếp tục nói dối chị T3 cần tiền để đưa cho anh T7 là cán bộ địa chính xã H để nhờ anh T7 làm nhanh thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho H để H bán nhà cho người khác và vay tiếp của chị T3 số tiền 30 triệu đồng. Chị T3 vẫn tin tưởng và đi vay được 28 triệu đồng chuyển cho H. Sau đó, H nói dối chị T3 rằng các chủ nợ của H biết Hiên bán nhà nên đến nhà đòi nợ và bảo chị T3 cho vay số tiền 70 triệu đồng để trả cho chủ nợ thì mới hoàn thiện thủ tục bán nhà cho người khác được. Chị T3 đồng ý và chuyển cho H vay tiếp số tiền trên. Đến khoảng giữa tháng 10/2022, H nói dối rằng khách lại không đồng ý mua nhà của H nữa nên chưa có tiền trả cho chị T3. Khi đó vợ chồng chị T3 thấy nhà của vợ chồng H đang được rao bán trên mạng xã hội Facebook, đồng thời vợ chồng chị T3 cũng đang có ý định chuyển đổi địa điểm kinh doanh cửa hàng thuốc tân dược của gia đình nên chị T3 nhắn tin với H ngỏ ý muốn mua lại nhà của vợ chồng H. Mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngôi nhà của vợ chồng H đang được thế chấp ở Ngân hàng S2 - Chi nhánh N3 để vay tiền nhưng do cần tiền để trả nợ cho các chủ nợ, H nói dối với chị T3 rằng đã lấy được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ngân hàng về rồi và thỏa thuận bán nhà của mình cho chị T3. Hiên giới thiệu căn nhà của mình có diện tích 120m^2 trong đó bao gồm 70m^2 được thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 50m^2 phía sau thuộc quyền sở hữu của bố mẹ chồng H mà vợ chồng H đã xây dựng gian bếp để sử dụng, nếu vợ chồng chị T3 đồng ý mua thì sẽ bán với giá là 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng). Ngoài ra, H có nói chuyện với chồng mình là anh Vũ Văn C, sinh năm: 1984 về việc thỏa thuận bán nhà cho vợ chồng chị T3 nhưng anh C không đồng ý và nói rằng chắc chắn bố mẹ anh sẽ không cho 50m^2 phần diện tích phía sau nhà. Tuy vậy, H vẫn nói dối với chị T3 là bố mẹ chồng H đã đồng ý làm thủ tục cho tặng phần diện tích 50m^2 kể trên để làm thủ tục gộp sổ và liên tục giục chị T3 đặt cọc số tiền 200 triệu đồng để làm hợp đồng mua bán nhà, đất nếu không H sẽ bán cho người khác. Do tin tưởng và thấy H thúc giục nhiều nên ngày 03/11/2022 (tức ngày 10/10/2022 âm lịch), vợ chồng chị T3 đã giao trước cho H số tiền 10 triệu đồng để đặt cọc mua nhà rồi lập "Biên bản nhận tiền cọc nhà" và cùng H ký xác nhận vào biên bản. Đến ngày 22/11/2022, vợ chồng chị T3 dồn đủ 190 triệu đồng tiền đặt cọc còn lại nên gọi vợ chồng H đến

nhận tiền và ký kết hợp đồng mua bán nhà. Thấy vậy, một mình H đã đến gặp vợ chồng chị T3 để nhận tiền đặt cọc, đồng thời H nói dối với anh C là chỉ thỏa thuận bán nhà cho vợ chồng chị T3 với diện tích 70m^2 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bảo anh C gọi điện thoại cho anh Vũ Văn H1, sinh năm: 1980 (chồng chị T3) lấy lý do bận công việc, cứ chuyển tiền đặt cọc cho H còn sau này sẽ về ký thủ tục chuyển nhượng sau. Sau khi thấy anh C gọi điện nói với nội dung trên, vợ chồng chị T3 tin tưởng nên đã giao thêm cho H số tiền 190 triệu đồng, tổng là 200 triệu đồng tiền đặt cọc mua nhà. Chị T3 lập một bản "Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng sử dụng đất, nhà", nội dung vợ chồng H và vợ chồng chị T3 thống nhất đặt cọc để mua bán quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 344, tờ bản đồ số 26, diện tích 120m^2, địa chỉ: xóm C, xã H, huyện H theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CH 550686. Sau đó vợ chồng chị T3 cùng H cùng ký xác nhận vào hợp đồng trên. Thời gian sau đó, chị T3 nhiều lần giục Hiên làm thủ tục chuyển nhượng cho vợ chồng chị T3 thì H đưa ra nhiều lý do nói dối chị T3. Đến ngày 03/12/2022 (tức ngày 10/11/2022 âm lịch), do bị các chủ nợ ép trả nợ nên H tiếp tục nói với chị T3 là đang bị sư thầy Thích Đàm H9 - là Trụ trì chùa Đ1 ở xã H, huyện H kiện ra Công an huyện, nếu không có tiền trả nợ cho nhà chùa thì H không làm thủ tục chuyển nhượng nhà cho chị T3 được và đặt vấn đề vay thêm số tiền 150 triệu đồng nữa để trả nợ cho nhà chùa, xong lần này sẽ làm thủ tục chuyển nhượng nhà cho chị T3. Do tin tưởng nên chị T3 tiếp tục đưa cho H số tiền 150 triệu đồng. Đến khoảng cuối tháng 12/2022, H tiếp tục gọi điện kêu cứu và cầu xin chị T3 cho vay tiếp số tiền 200 triệu đồng nhưng chị T3 từ chối. Trong thời gian từ ngày 28/7/2022 đến ngày 03/12/2022, tổng số tiền mà chị T3 đã chuyển cho H vay cũng như đặt cọc để mua nhà, đất là 968.000.000đ (chín trăm sáu mươi tám triệu đồng). Toàn bộ số tiền này H đều sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Từ đó đến nay, H không trả lại tiền, không rút Giấy chứng nhận QSDĐ về chuyển nhượng cho vợ chồng chị T3. Chị T3 tìm hiểu thì được biết Giấy chứng nhận QSDĐ của vợ chồng H vẫn đang thế chấp ở Ngân hàng và đang bị Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu do nợ quá hạn nên chị T3 đã làm đơn tố giác hành vi của H gửi Công an huyện H.

Ngày 27/4/2023, Cơ quan CSĐT - Công an huyện H đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc theo đơn tố giác của chị T3 đến cơ quan CSĐT Công an tỉnh N (PC01) để thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Đến ngày 03/6/2023 và ngày 11/6/2023, chị Bùi Thị N và anh Vũ Văn Đ cũng có đơn tố giác hành vi của H đến cơ quan CSĐT Công an tỉnh N(PC01) để được giải quyết.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã tiến hành trưng cầu phòng K Công an tỉnh N giám định chữ ký, chữ viết trong các tài liệu do chị T3, anh Đ, chị N và

chị T2 giao nộp. Tại bản kết luận giám định số 862/Kl-KTHS ngày 28/6/2023 của phòng K Công an tỉnh N kết luận:

+ Trên "Giấy vay tiền" đề ngày 30/6/2022 (AL), chữ viết là do chị Nguyễn Thị T3 viết ra; chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên Đoàn Thị Mai H dưới mục "Bên vay ký" là do chị H ký, viết ra.

+ Trên "Hợp đồng đặt cọc (v/v chuyển nhượng sử dụng đất nhà), đề tháng 11/2022, chữ viết là do chị Nguyễn Thị T3 viết ra; chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên Đoàn Thị Mai H dưới mục "Đại diện bên A" là do chị H ký, viết ra.

+ Trên "Biên bản nhận tiền cọc nhà", đề ngày 10/10/2022, chữ viết là do chị Nguyễn Thị T3 viết ra; chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên Đoàn Thị Mai H dưới mục "Người bán ký" là do chị H ký, viết ra.

+ Trên "Giấy vay tiền mặt", đề ngày 4/10/2022, chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên Đoàn Thị Mai H dưới mục "Người vay ký" là do chị H ký, viết ra.

+ Trên "Giấy vay tiền mặt", đề ngày 10/11/2022, chữ ký, chữ viết là do chị H ký, viết ra.

- Tại bản kết luận giám định số 1169/KL-KTHS ngày 31/7/2023, Phòng K Công an tỉnh N kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 (là Giấy mượn tiền đề ngày 31/8/2022 và Biên bản thỏa thuận đề ngày 20/9/2022 do anh Đ giao nộp) và chữ ký, chữ viết tại mặt sau tờ 75 trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 (là quyển sổ có ghi Giấy biên nhận đề ngày 17/7/2022 do chị N giao nộp) trừ chữ ký, chữ viết dưới mục "Ng cho vay", "Ng làm chứng" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Đoàn Thị Mai H trên mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết dưới mục "Ng cho vay" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 (là Biên bản thỏa thuận đề ngày 20/9/2022 do anh Đ giao nộp) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Vũ Văn Đ trên mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

- Tại bản kết luận giám định số 1521, ngày 19/10/2023, Phòng K Công an tỉnh N kết luận: Chữ ký, chữ viết có nội dung: "Em đã vay đúng số tiền này của chị" và "Từ T2/2022 Em Hiên vay của chị N tổng số 3.046.000.000 + 37 chỉ vàng" so với chữ ký, chữ viết đứng tên Đoàn Thị Mai H trên mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

Tại cơ quan điều tra, Đoàn Thị Mai H đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

*Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng:

- Chị Bùi Thị N giao nộp:

+ 01 quyển sổ bìa màu đen nhãn hiệu Hưng Thịnh gồm 80 tờ giấy viết, được đánh số thứ tự từ 01 đến 80. Tại tờ số 75 có nội dung ghi tiêu đề "Giấy biên nhận" đề ngày 17/8/2022 có chữ ghi rõ họ tên "Đoàn Thị Mai H" ở dưới phần nội dung kèm dấu điểm chỉ màu đỏ ngón tay trỏ phải.

+ 09 tờ giấy A4 in ảnh chụp màn hình trong đó 07 tờ là ảnh chụp màn hình tin nhắn với số điện thoại "+84378129926" được lưu tên "Hiên C" và 02 tờ là ảnh chụp màn hình điện thoại thể hiện thông tin cá nhân tài khoản zalo "Hiên C", số điện thoại "+84378129926".

+ 05 tập giấy A4 in ảnh chụp màn hình tin nhắn zalo giữa H và chị N gồm 86 tờ.

+ 01 (một) USB vỏ màu đỏ xám, trên vỏ ghi dòng chữ mực màu trắng "BÙI NGA" bên trong chứa 05 file ghi âm cuộc nói chuyện qua điện thoại giữa chị N và H

- Anh Vũ Văn Đ và chị Trần Thị T2 giao nộp:

+ 01 Giấy mượn tiền đề ngày 31/8/2022, có chữ ký ghi rõ họ tên Đoàn Thị Mai H dưới mục "NGƯỜI MƯỢN TIỀN".

+ 01 Biên bản thỏa thuận đề ngày 20/9/2022, có chữ ký ghi rõ họ tên Đoàn Thị Mai H dưới mục "Người vay viết đơn".

+ 09 tờ giấy A4 in ảnh chụp màn hình tin nhắn Zalo giữa chị T2 với H từ 15h26' ngày 25/5/2022 đến 22h10' ngày 28/5/2022 và ngày 05/8/2022.

- Chị Nguyễn Thị T3 giao nộp:

+ 121 ảnh chụp màn hình nội dung tin nhắn Zalo giữa T3 với H.

+ 01 "Giấy vay tiền" đề ngày 30/6/2022 (AL); 01 "Hợp đồng đặt cọc (v/v chuyển nhượng sử dụng đất nhà), đề tháng 11/2022; 01 "Biên bản nhận tiền cọc nhà", đề ngày 10/10/2022; 01 "Giấy vay tiền mặt", đề ngày 4/10/2022; 01 "Giấy vay tiền mặt", đề ngày 10/11/2022.

+ 01 USB nhãn hiệu Kingston loại dung lượng 32GB vỏ màu đen bên trong chứa 14 file ghi âm cuộc nói chuyện qua điện thoại giữa chị T3 và H trong thời gian từ ngày 11/10/2022 đến ngày 04/01/2023 và 03 file ghi âm cuộc nói chuyện qua điện thoại giữa chị T3 và anh C.

Ngày 20/10/2023 cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã trả lại cho chị Bùi Thị N 01 quyển sổ bìa màu đen nhãn hiệu Hưng Thịnh bên trong có ghi "Giấy biên nhận" đề ngày 17/8/2022 là chủ sở hữu. Đối với các vật chứng khác cơ quan CSĐT Công an tỉnh N chuyển theo hồ sơ vụ án.

- *Thu giữ của Đoàn Thị Mai H*: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03 vỏ màu xanh có số imei1 350165824416371, số imei2 350393174416375; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead màu xanh biển số 18B1-881.50 số máy JF45E-0357619, số khung RLHJF4506DY689214 kèm theo

chìa khóa để mở khóa điện xe. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã tiến hành nhập kho vật chứng và bảo quản theo quy định.

*Về trách nhiệm dân sự:

H đã trả cho vợ chồng anh Đại số tiền 170 triệu đồng, chị N số tiền 04 triệu đồng. Do đó, H còn phải trả cho vợ chồng anh Đại số tiền 2.937.000.000đồng, chị Bùi Thị N số tiền 3.286.825.000 đồng và chị T3 số tiền 968.000.000đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay: Bị cáo Đoàn Thị Mai H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người bị hại yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt, về hình phạt đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định trong bản luận tội đã giữ nguyên tội danh, điều luật áp dụng trong cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo; Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị HĐXX:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS: Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Mai H từ 19 năm đến 20 năm tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của các bị hại; buộc bị cáo H phải trả cho bị hại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt.

Ngoài ra còn đề nghị về xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Nhất trí với tội danh cũng như điều luật áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị HĐXX giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và tuyên bị cáo ở mức thấp mà đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định để bị cáo sớm có cơ hội trở về với gia đình và xã hội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị T3 trình bày quan điểm: Nhất trí với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Đoàn Thị Mai H về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS. Bị cáo H phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo H 20 năm tù giam. Về trách nhiệm dân sự: Buộc H phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng chị T3, anh H1 số tiền 968.000.000 đồng.

Bị cáo H nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt

cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cở sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay và các tài liệu chứng cứ đã được cơ quan điều tra thu thập đã đủ căn cứ kết luận: Từ tháng 5/2021 đến cuối năm 2022, dù biết bản thân đang nợ nần, rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán nhưng lợi dụng mối quan hệ quen biết với chị Bùi Thị N, vợ chồng anh Vũ Văn Đ và chị Trần Thị T2, vợ chồng chị Nguyễn Thị T3 và anh Vũ Văn H1, Đoàn Thị Mai H đã nhiều lần đưa các thông tin gian dối khác nhau để vay tiền như: đầu tư kinh doanh, nhận tiền đặt cọc mua nhà .... sau đó chiếm đoạt sử dụng cho bản thân và trả nợ cho những người khác. Cụ thể: Hiên chiếm đoạt của chị Bùi Thị N số tiền 3.286.825.000đồng, của vợ chồng anh Vũ Văn Đại s tiền 2.937.000.000đồng, của vợ chồng chị Nguyễn Thị T3 số tiền 968.000.000đồng. Tổng số tiền H chiếm đoạt của các bị hại là 7.365.825.000đồng (bảy tỷ ba trăm sáu mươi năm triệu tám trăm hai mươi năm nghìn đồng). Như vậy hành vi nêu trên của bị cáo Đoàn Thị Mai H đã có đủ các yếu tố cấu thành các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đối với bị cáo là có căn cứ.

[3] Đoàn Thị Mai H mặc dù biết bản thân đang trong trình trạng mất khả năng thanh toán nhưng vẫn lợi dụng mối quan hệ quen biết với chị Bùi Thị N, vợ chồng anh Vũ Văn Đ và chị Trần Thị T2, vợ chồng chị Nguyễn Thị T3 và anh Vũ Văn H1 đã nhiều lần đưa các thông tin gian dối khác nhau để vay tổng số tiền 7.365.825.000đồng. Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự của địa phương. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đoàn Thị Mai H thành khẩn khai báo, vì vậy cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng; Vì vậy, cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 BLHS.

[6] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. HĐXX xét thấy cần áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS, để xử phạt đối với bị cáo Đoàn Thị Mai H và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời để răn đe phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, nợ nần nhiều nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Buộc Đoàn Thị Mai H phải trả cho chị Bùi Thị N số tiền 3.286.825.000đồng, vợ chồng anh Đại số tiền 2.937.000.000đồng và vợ chồng chị T3 số tiền 968.000.000đồng.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS. Hội đồng xét xử xét thấy cần:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03 vỏ màu xanh có số imei1 350165824416371, số imei2 350393174416375 vì liên quan đến hành vi phạm tội.

Trả cho bị cáo H: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead màu xanh biển số 18B1-881.50 số máy JF45E-0357619, số khung RLHJF4506DY689214 kèm theo chìa khóa để mở khóa điện xe vì không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[10] Về án phí: Bị cáo Đoàn Thị Mai H phải nộp tiền án phí hình sự và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Thị Mai H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Mai H: 20 (Hai mươi) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 07/9/2023.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đoàn Thị Mai H phải trả cho các bị hại:

- Anh Vũ Văn Đ và chị Trần Thị T2 số tiền 2.937.000.000đồng (Hai tỷ chín trăm ba mươi bảy triệu đồng).

- Chị Bùi Thị N số tiền 3.286.825.000đồng (Ba tỷ hai trăm tám mươi sáu triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị T3 và anh Vũ Văn H1 số tiền 968.000.000đồng (Chín trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với các khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong,

hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, 48 BLHS năm 2015; Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03, vỏ màu xanh, có số imei1 350165824416371, số imei2 350393174416375, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong.

- Trả cho bị cáo H: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead, màu sơn xanh, BKS: 18B1-881.50, số máy: JF45E-0357619, số khung RLHJF4506DY689214 kèm theo một chìa khóa để mở khóa điện của xe, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong, bên trong cốp xe không có đồ vật, tài sản gì.

(Chi tiết vật chứng được nêu trong Biên bản giao nhận vật chứng số 18/24 ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa phòng PC01 Công an tỉnh N và Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135 BLTTHS năm 2015; Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Đoàn Thị Mai H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 115.192.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại đã báo quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Vũ Hà Nam

Nơi nhận:
- TAND-CC, VKSND-CC;
- VKS và CA tỉnh Nam Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định;
- Bị cáo; bị hai;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.